

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 09/TTr-STC ngày 30/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024, cụ thể như sau:

1. Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt bình quân trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024 do Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu cung cấp: 8.500 đồng/m³ (Chưa bao gồm thuế VAT, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt).

2. Hệ số và mức giá cụ thể đối với từng nhóm khách hàng:

| STT | Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt | Lượng nước sạch sử dụng/tháng | | Hệ số tính giá tối đa so với giá bình quân (Hi) | Hệ số tính giá cụ thể | Giá bán lẻ năm 2024 (đồng/m ³) |
|--------|--|---|---------|---|-----------------------|--|
| | | Mức (m ³ /đồng hồ/tháng) | Ký hiệu | | | |
| Nhóm 1 | Hộ dân cư | Mức dưới 10 m ³ /đồng hồ/tháng | SH1 | 0,8 | 0,8 | 6.800 |
| | | Từ trên 10 - 20 m ³ /đồng hồ/tháng | SH2 | 1,0 | 1,0 | 8.500 |
| | | Từ trên 20 - 30 m ³ /đồng hồ/tháng | SH3 | 1,5 | 1,2 | 10.100 |
| | | Trên 30 m ³ /đồng hồ/tháng | SH4 | 2,5 | 1,5 | 12.750 |
| Nhóm 2 | Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận). | Theo thực tế sử dụng | HCSN | 1,2 | 1,2 | 10.100 |
| Nhóm 3 | Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất | Theo thực tế sử dụng | SX | 1,5 | 1,5 | 12.500 |
| Nhóm 4 | Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ | Theo thực tế sử dụng | KD | 3,0 | 2,4 | 20.300 |

Điều 2. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/3/2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt năm 2021 và lộ trình điều chỉnh đến năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy; } (B/c)
- TT. HĐND tỉnh; }
- UBND tỉnh: U;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Lai Châu;
- Lưu: VT, Kt3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng A Tính